TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:64/2025/HNGĐ-ST
Ngày:17-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Ông Thái Bình Hoà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Ấp K, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Phạm Văn N, số G Đại lộ B, Tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Khóm E, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Phạm Văn N, số G Đại lộ B, Tổ E, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu B và ông Nguyễn Chí K tự nguyện chung sống và kết hôn vào 2010, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số

09, quyển số 01, ngày 11/01/2010 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau này khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Ông K không phụ giúp nuôi con từ nhiều năm nay, một mình bà Ba P tự lực nuôi con. Hiện nay, bà B và ông K không còn tình cảm và không còn sống chung nhà nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà B được ly hôn với ông Nguyễn Chí K.

Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017. Hai con chung đang sống cùng với bà B. Sau khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn giao nộp tài liệu chứng cứ: Căn cước công dân của bà Nguyễn Thị Thu B, ông Nguyễn Chí K; Thông báo về kết quả giải quyết, huỷ bỏ đăng ký cư trú; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh.

2. Bị đơn ông Nguyễn Chí K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K và bà Nguyễn Thị Thu B tự nguyện chung sống và kết hôn vào 2010, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01, ngày 11/01/2010 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng thời gian sau này khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không có hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Do ông K cờ bạc và gây ra nợ nần. Hiện nay ông K và bà Ba K2 còn ở chung nhà. Bà B đã ra ngoài phòng trọ khác để sống riêng. Do còn thương vợ con nên ông K không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hàn gắn.

- Về con chung: Qúa trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017. Hai con chung đang sống cùng với bà B. Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn thì con chung ông K yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Toà án quyết định giao con cho ai thì người đó nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B đối với bị đơn ông Nguyễn Chí K về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 17 tháng 02 năm 2025, bà Nguyễn Thị Thu B có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Chí K. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thu B khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Chí K, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Chí K đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B và bị đơn ông Nguyễn Chí K vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu B và ông Nguyễn Chí K chung sống và có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01 ngày 11/01/2010 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà B và ông K là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa bà B và ông K là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà B yêu cầu ly hôn với ông K vì lý do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung.

Ông K cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, vợ chồng không có hạnh phúc nhưng vì còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hàn gắn.

Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ bà B và ông K đều thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và hiện nay đã không còn sống chung. Bản thân ông K không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con và mong muốn gia đình đoàn tụ. Tuy nhiên, kể từ khi Tòa án thụ lý và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho đến nay, vợ chồng vẫn chưa hàn gắn được, bà B vẫn cương quyết ly hôn, ông K vẫn không đưa ra biện pháp để vợ chồng đoàn tụ.

Việc bà B và ông K không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà B, ông K cư trú: Địa phương không biết mâu thuẫn gia đình của bà B và ông K cụ thể như thế nào, vì bà B và ông K không thông báo và cũng không có đề nghị địa phương hoà giải mâu thuẫn gia đình.

Bà B xác định hiện nay không còn tình cảm với ông K, vợ chồng không còn sống chung nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà B và ông K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà B yêu cầu được ly hôn với ông

K là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

[2.2]. Về con chung: Qúa trình chung sống bà B và ông K có 02 con chung là Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017. Sau khi ly hôn bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Xét thấy, con chung là Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017, hiện nay đang sống cùng bà B, bà B có nguyện vọng được nuôi con. Các con chung đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Ông K yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo quy định pháp luật, Toà án quyết định giao con cho ai thì người đó nuôi dưỡng. Hiện nay, bà B có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên yêu cầu của bà B về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung được chấp nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ba không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con nên ông K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thu Ba P chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu B đối với bị đơn ông Nguyễn Chí K về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Chí K.

1.2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Chí D, sinh ngày 11/11/2008 và Nguyễn Thiên K1, sinh ngày 17/5/2017 cho bà Nguyễn Thị Thu B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Chí K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Chí K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu B chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0009204, ngày 17/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
-VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.